

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN

Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đơn giản hóa thủ tục hành chính để tổ chức thực hiện thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Tư pháp
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTg
ngày tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ)

Phần I

CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

I. LĨNH VỰC ĐĂNG KÝ BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

1. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 1: Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung, bằng cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011435);
- Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011436);
- Thủ tục hành chính 3: Thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011437);
- Thủ tục hành chính 4: Thủ tục đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), là cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011438);
- Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011439);
- Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng động sản (không phải là tàu bay, tàu biển, chứng khoán đã đăng ký tập trung), bằng cây hằng năm, công trình tạm (Mã TTHC: 1.011440);

- Thủ tục hành chính 7: Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mã TTHC: 1.011423);

- Thủ tục hành chính 8: Thủ tục đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mã TTHC: 1.011425);

- Thủ tục hành chính 9: Thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mã TTHC: 1.011426);

- Thủ tục hành chính 10: Thủ tục đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu bay (Mã TTHC: 1.011427);

- Thủ tục hành chính 11: Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mã TTHC: 1.011429);

- Thủ tục hành chính 12: Thủ tục đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mã TTHC: 1.011430);

- Thủ tục hành chính 13: Thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mã TTHC: 1.011431);

- Thủ tục hành chính 14: Thủ tục đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là tàu biển (Mã TTHC: 1.011432);

- Thủ tục hành chính 15: Thủ tục cung cấp thông tin về biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mã TTHC: 1.011433);

- Thủ tục hành chính 16: Thủ tục cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu biển (Mã TTHC: 1.011434);

- Thủ tục hành chính 17: Thủ tục đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.011441);

- Thủ tục hành chính 18: Thủ tục đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.011442);

- Thủ tục hành chính 19: Thủ tục xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.011443);

- Thủ tục hành chính 20: Thủ tục đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi, xóa đăng ký thông báo xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.011444);

- Thủ tục hành chính 21: Thủ tục chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở hoặc từ hợp đồng mua bán tài sản khác gắn liền với đất (Mã TTHC: 1.011445).

a) Nội dung đơn giản hóa

Tái sử dụng thông tin, dữ liệu đã được số hoá hoặc lưu giữ tại cơ quan đăng ký hoặc trong cơ sở dữ liệu về biện pháp bảo đảm theo hướng quy định người yêu cầu đăng ký chỉ nộp một lần văn bản có nội dung về việc pháp nhân giao nhiệm vụ cho chi nhánh thực hiện chức năng đăng ký biện pháp bảo đảm của pháp nhân trong hồ sơ đăng ký lần đầu mà không phải nộp văn bản này cho các lần đăng ký tiếp theo.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 8 Điều 8 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 22: Thủ tục cấp bản sao văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm bằng tàu bay (Mã TTHC: 1.011428)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 9 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP ngày 30/11/2022 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm theo hướng bỏ cụm từ “khoản 2” và sửa đổi khoản 1 Điều 22 Nghị định số 99/2022/NĐ-CP theo hướng bỏ cụm từ “Mẫu số 11b”; bãi bỏ Mẫu số 11b.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

II. LĨNH VỰC BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC

1. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 1: Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp trung ương) (Mã TTHC: 2.002195);

- Thủ tục hành chính 2: Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 2.002192);

- Thủ tục hành chính 3: Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã) (Mã TTHC: 2.002165).

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 41, khoản 3 Điều 43, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 49, Điều 50, Điều 51, điểm b khoản 2 Điều 73 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Sửa đổi Chương III Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Bãi bỏ Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

2. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 4: Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường tại cấp trung ương (Mã TTHC: 2.002196);

- Thủ tục hành chính 5: Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường tại cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.002193).

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi:

- Sửa đổi Điều 41 Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Sửa đổi Điều 32, Điều 33 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Bãi bỏ Thông tư số 04/2018/TT-BTP ngày 17/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu trong công tác bồi thường nhà nước.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

III. LĨNH VỰC HỖ TRỢ PHÁP LÝ CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

1. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 1: Thủ tục đề nghị hỗ trợ chi phí tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mã TTHC: 1.005464);

- Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đề nghị thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (Mã TTHC: 3.000024).

2. Nội dung đơn giản hóa

- Gộp 02 thủ tục này thành 01 thủ tục hành chính, doanh nghiệp nhỏ và vừa chỉ cần thực hiện một bước duy nhất là đề nghị hỗ trợ thanh toán chi phí hỗ trợ tư vấn pháp luật cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Cắt giảm 02 trong tổng số 06 loại giấy tờ là: (1) Tờ khai xác định doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp vừa theo mẫu; (2) Bản chụp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2, 3, 4, 5 Điều 9 Nghị định số 55/2019/NĐ-CP ngày 24/6/2019 của Chính phủ về hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

IV. LĨNH VỰC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục yêu cầu thi hành án dân sự (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.003091)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cách thức gửi yêu cầu thi hành án: Đương sự có thể gửi yêu cầu bằng văn bản trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia; Ứng dụng định danh quốc gia VNeID và cách thức khác theo quy định của pháp luật.

- Quy định chi tiết về việc chia sẻ, tái sử dụng tài liệu thuộc Hồ sơ yêu cầu thi hành án (Bản án, quyết định của Tòa án...) đã được số hóa; chia sẻ, tái sử dụng các dữ liệu trên cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư đối với các thông tin về người yêu cầu thi hành án hoặc tài liệu thông tin về tài sản của người phải thi hành án (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất....) và các tài liệu khác là bản sao điện tử.

- Sửa đổi biểu mẫu đơn yêu cầu thi hành án phù hợp với hình thức trực tiếp và trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 31 Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Điều 7 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP; Nghị định số 152/2024/NĐ-CP);

- Sửa đổi Điều 1 Thông tư liên tịch số 11/2016/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 01/8/2016 của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp quy định một số vấn đề về thủ tục thi hành án dân sự và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Biểu mẫu D 01-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.003009)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 100, Điều 103, Điều 104, Điều 106 Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Biểu mẫu D 06-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục yêu cầu thay đổi Chấp hành viên (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.003201)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7, Điều 7a Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Điều 10 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP; Nghị định số 152/2024/NĐ-CP);

- Sửa đổi Biểu mẫu D 02-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục đề nghị miễn, giảm phí thi hành án (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.002548)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7 Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Điều 7 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Biểu mẫu D 04-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.002520)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 7a, Điều 73 Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Điều 44 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP; Nghị định số 152/2024/NĐ-CP);

- Sửa đổi Điều 7 Thông tư số 216/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Biểu mẫu D 05-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục xác nhận kết quả thi hành án (cấp tỉnh) (Mã TTHC: 1.002270)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định cách thức đề nghị xác nhận kết quả thi hành án trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia; Ứng dụng định danh quốc gia VNeID và hình thức khác theo quy định của pháp luật.

- Sửa đổi thời hạn giải quyết yêu cầu đề nghị xác nhận kết quả thi hành án theo hướng giảm thời hạn từ 05 ngày làm việc xuống 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của đương sự, Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự cấp giấy xác nhận kết quả thi hành án.

- Sửa đổi, bổ sung văn bản quy định chi tiết về việc chia sẻ, tái sử dụng tài liệu, dữ liệu thuộc Hồ sơ yêu cầu xác nhận đã được số hóa (nếu có).

- Sửa đổi biểu mẫu đơn yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án phù hợp với cách thức trực tiếp và trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 53 Luật Thi hành án dân sự;

- Sửa đổi Điều 37 Nghị định số 62/2015/NĐ-CP ngày 18/7/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 33/2020/NĐ-CP; Nghị định số 152/2024/NĐ-CP);

- Sửa đổi Biểu mẫu D 07-THADS ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BTP ngày 14/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số thủ tục về quản lý hành chính và biểu mẫu nghiệp vụ trong thi hành án dân sự.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

7. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 7: Thủ tục yêu cầu thi hành án dân sự (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002320);

- Thủ tục hành chính 8: Thủ tục đề nghị nhận tài sản đã kê biên để trừ vào tiền được thi hành án (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002223);

- Thủ tục hành chính 9: Thủ tục yêu cầu thay đổi Chấp hành viên (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002388);

- Thủ tục hành chính 10: Thủ tục đề nghị miễn, giảm phí thi hành án (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002260);

- Thủ tục hành chính 11: Thủ tục đề nghị miễn, giảm chi phí cưỡng chế thi hành án (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002284);

- Thủ tục hành chính 12: Thủ tục xác nhận kết quả thi hành án (cấp huyện) (Mã TTHC: 1.002477).

a) Nội dung đơn giản hóa: Bãi bỏ thủ tục hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ quy định về thẩm quyền tổ chức thi hành án của cơ quan thi hành án dân sự cấp huyện tại khoản 1 Điều 35 Luật Thi hành án dân sự các văn bản hướng dẫn thi hành.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

V. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ THỪA PHÁT LẠI

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục bổ nhiệm Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008922)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện;

- Bãi bỏ: (1) Phiếu lý lịch tư pháp; (2) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật; (3) Giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ bổ nhiệm Thừa phát lại;

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị bổ nhiệm Thừa phát lại; (2) Giấy tờ chứng minh về thời gian công tác pháp luật (Quyết định tuyển dụng, hợp đồng làm việc hoặc hợp đồng lao động kèm theo giấy tờ chứng minh thời gian đóng bảo hiểm xã hội; giấy tờ chứng minh đã miễn nhiệm, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc thu hồi thẻ; giấy tờ chứng minh đã nghỉ hưu hoặc thôi việc).

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày xuống còn 27 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với các nội dung: (1) Phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; (2) Bãi bỏ Phiếu lý lịch tư pháp; (3) Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia; (4) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục I Phụ lục VI Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc bãi bỏ Bằng tốt nghiệp đại học hoặc sau đại học chuyên ngành luật và giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề Thừa phát lại: Bãi bỏ điểm c, đ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục miễn nhiệm Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008923)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền miễn nhiệm Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện;

- Bỏ Quyết định bổ nhiệm thừa phát lại trong thành phần hồ sơ miễn nhiệm Thừa phát lại;

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với Đơn đề nghị miễn nhiệm Thừa phát lại.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 25 ngày xuống còn 17 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với các nội dung: (1) Phân cấp thẩm quyền miễn nhiệm Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; (2) Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với Đơn đề nghị miễn nhiệm Thừa phát lại; (3) Cắt giảm thời gian

giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục I Phụ lục VI Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với bãi bỏ Quyết định bổ nhiệm thừa phát lại: Sửa đổi Điều 13 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục bổ nhiệm lại Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008924)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm lại Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Bãi bỏ: (1) Phiếu lý lịch tư pháp; (2) Quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ bổ nhiệm lại Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị bổ nhiệm lại Thừa phát lại; (2) Giấy tờ chứng minh lý do miễn nhiệm không còn.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 40 ngày xuống còn 27 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với các nội dung: (1) Phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm lại Thừa phát lại cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện; (2) Bỏ Phiếu lý lịch tư pháp; (3) Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia; (4) Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục I Phụ lục VI Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc bãi bỏ Quyết định miễn nhiệm Thừa phát lại: Sửa đổi Điều 14 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục thành lập Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008929)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị thành lập Văn phòng Thừa phát lại; (2) Bản thuyết minh về tổ chức, tên gọi, nhân sự, địa điểm đặt trụ sở, các điều kiện vật chất và kế hoạch triển khai thực hiện.

- Cắt giảm thời gian giải quyết từ 40 ngày xuống còn 17 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 21 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục đăng ký hoạt động Thành lập Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008930)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động Thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đăng ký hoạt động; (2) Giấy tờ chứng minh đủ điều kiện hoạt động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 04 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 2 Điều 22 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008936)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ: (1) Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại của các Thừa phát lại nhận chuyển nhượng; (2) Văn bản cam kết trong thành phần hồ sơ chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; (2) Hợp đồng chuyển nhượng có công chứng theo mẫu do Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định; (3) Biên bản kiểm kê hồ sơ nghiệp vụ của Văn phòng được chuyển nhượng; (4) Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng; (5) Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong 02 năm gần nhất đã được kiểm toán của Văn phòng được chuyển nhượng.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 12 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 28 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008934)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Danh sách Thừa phát lại hợp danh và Thừa phát lại làm việc theo chế độ hợp đồng (nếu có) tại các Văn phòng trong thành phần hồ sơ hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại; (2) Hợp đồng hợp nhất, sáp nhập; (3) Bản kê khai thuế, báo cáo tài chính trong năm gần nhất đã được kiểm toán của các Văn phòng tính đến ngày đề nghị hợp nhất, sáp nhập; (4) Biên bản kiểm kê các hồ sơ nghiệp vụ và biên bản kiểm kê tài sản hiện có của các Văn phòng bị hợp nhất, sáp nhập; (5) Quyết định cho phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các Văn phòng.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 14 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 27 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008932)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị chuyển đổi; (2) Bản thuyết minh về việc chuyển đổi loại hình hoạt động; (3) Quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 14 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1, 2, 3 Điều 26 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008937)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại được chuyển nhượng (trong trường hợp thay đổi trụ sở) và hồ sơ đăng ký hành nghề của các Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.

- Bỏ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; (2) Quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại; (3) Giấy tờ chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ thuế đối với việc chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 28 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008935)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng Thừa phát lại, Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại của các Thừa phát lại đang hành nghề tại Văn phòng Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.

- Bỏ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đăng ký hoặc đơn đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; (2) Quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 27 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

11. Thủ tục hành chính 11: Thủ tục đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008933)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Quyết định cho phép chuyển đổi, giấy tờ chứng minh có đủ điều kiện bảo đảm hoạt động của Văn phòng trong thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đối với Đơn đăng ký hoạt động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12. Thủ tục hành chính 12: Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008931)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Đơn đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động; (2) Giấy tờ chứng minh việc thay đổi, Giấy đăng ký hoạt động.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 28 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008926)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định để nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với Giấy đề nghị thay đổi nơi tập sự.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống còn 02 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 2 Điều 8 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

14. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục cấp lại Thẻ Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008928)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ sung quy định về nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Giấy đề nghị cấp lại Thẻ Thừa phát lại; (2) Ảnh chân dung của Thừa phát lại; (3) Bản chính Thẻ Thừa phát lại trong trường hợp Thẻ bị hỏng.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 5 Điều 15 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

15. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008927)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bổ Quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Thừa phát lại trong thành phần hồ sơ đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định về nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với: (1) Giấy đề nghị đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại; (2) Ảnh chân dung của Thừa phát lại.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 05 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1, 2 Điều 15 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

16. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại (Mã TTHC: 1.008925)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Chứng chỉ tốt nghiệp đào tạo nghề Thừa phát lại hoặc Giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề Thừa phát lại hoặc quyết định công nhận tương đương đào tạo nghề Thừa phát lại ở nước ngoài trong thành phần hồ sơ đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại.

- Bổ sung quy định về nộp bản sao điện tử và cách thức thực hiện trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia đối với Giấy đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 1 Điều 8 Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

VI. LĨNH VỰC TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp lại Giấy phép thành lập của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.008888)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: Giấy xác nhận về việc bị mất Giấy phép thành lập của công an cấp xã nơi mất giấy tờ (trong trường hợp bị mất).

- Cắt giảm khâu trung gian, thống nhất một cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 12 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2018/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở từ tỉnh, thành phố này sang tỉnh, thành phố khác (Mã TTHC: 1.008890)

a) Nội dung đơn giản hóa:

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; (2) Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh, trong trường hợp nộp bản sao thì phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo hướng Sở Tư pháp sẽ tự động cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Chi nhánh sau khi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam, thông nhất một cơ quan tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính là Sở Tư pháp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với việc bỏ thành phần hồ sơ “Bản sao có chứng thực Giấy phép thành lập Chi nhánh”: Đã thực thi tại khoản 5, 7 Điều 1 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp và mục VII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc giảm thời gian giải quyết TTHC xuống còn 5 ngày làm việc: Đã thực thi tại mục VII Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc bỏ thành phần hồ sơ “Đơn đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài/Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam”: Sửa đổi khoản 1 Điều 22 Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Trọng tài thương mại (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 124/2018/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

VII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá (Mã TTHC: 1.000802)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Phân cấp thẩm quyền cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá từ Bộ Tư pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện.

- Bỏ Giấy tờ chứng minh lý do thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá.

- Thay đổi cơ quan có thẩm quyền thu phí từ Cục Hỗ trợ tư pháp (Bộ Tư

pháp) thành Sở Tư pháp, đồng thời giảm 50% mức phí thẩm định cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với việc phân cấp thẩm quyền cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá từ Bộ Tư pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện: Đã được thực thi tại Điều 6 Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc thay đổi cơ quan có thẩm quyền thu phí từ Cục Hỗ trợ tư pháp (Bộ Tư pháp) thành Sở Tư pháp, đồng thời giảm 50% mức phí thẩm định cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản: Đã được thực thi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

- Đối với việc bỏ Giấy tờ chứng minh lý do thu hồi chứng chỉ hành nghề đấu giá trong thành phần hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề đấu giá: Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 17 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 2.001247)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh trong thành phần hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3 Điều 29 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 2.001258)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Giảm mức phí thẩm định cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản từ 500.000 đồng xuống còn 300.000 đồng.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 3 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 10/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 2.001333)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao có chứng thực, bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đã được cấp.

- Giảm mức phí thẩm định cấp lại giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản từ 500.000 đồng xuống còn 300.000 đồng.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 04 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung điểm a, điểm b khoản 1a và điểm b khoản 1 Điều 26 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 10/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 2.001395)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh: (1) Có các trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho hoạt động đấu giá tài sản; (2) Có trụ sở.

- Cắt giảm thành phần hồ sơ: bỏ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của chủ doanh nghiệp đấu giá tư nhân, Chứng chỉ hành nghề đấu giá của thành viên hợp danh, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của công ty đấu giá hợp danh.

- Giảm mức phí thẩm định từ 1.000.000 đồng xuống 800.000 đồng.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 3 Điều 23; khoản 1, khoản 2 Điều 25 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

- Sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư số 106/2017/TT-BTC ngày 10/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định tiêu chuẩn hành nghề đấu giá tài sản, phí thẩm định điều kiện đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề đấu giá (Mã TTHC: 1.003915)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện kinh doanh: Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng.

- Giảm 50% mức phí thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với việc giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại phần III Phụ lục I kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc giảm 50% mức phí thẩm định cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá tài sản: Đã được thực thi tại khoản 1 Điều 1 Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân.

- Đối với việc bãi bỏ điều kiện kinh doanh “Có bằng tốt nghiệp đại học hoặc trên đại học thuộc một trong các ngành luật, kinh tế, quản trị kinh doanh, kế toán, kiểm toán, tài chính, ngân hàng”: Sửa đổi Điều 10 Luật Đấu giá tài sản (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục phê duyệt trang đấu giá trực tuyến (Mã TTHC: 2.001225)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 90 ngày xuống còn 80 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 Điều 6 Nghị định số 172/2024/NĐ-CP ngày 27/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 37/2024/QH15.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 1.013634)

a) Nội dung đơn giản hóa

Bỏ Bản sao có chứng thực, bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Chứng chỉ hành nghề đấu giá của Trưởng chi nhánh/hoặc Bản sao có chứng thực, bản sao chứng thực điện tử hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh đã được cấp và khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 29 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản (Mã TTHC: 1.013635)

a) Nội dung đơn giản hóa: Khuyến khích người dân sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 29 Luật Đấu giá tài sản năm 2016 (được sửa đổi, bổ sung năm 2024).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

VIII. LĨNH VỰC HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại (Mã TTHC: 1.008907)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải và Danh sách sáng lập viên Trung tâm hòa giải thương mại trong thành phần hồ sơ cấp Giấy phép thành lập Trung tâm hòa giải thương mại.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với việc bỏ Danh sách sáng lập viên trung tâm hòa giải thương mại và giảm thời gian thực hiện TTHC: Đã thực thi tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với việc bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm: Bãi bỏ điểm d khoản 1 Điều 21 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại; đối với việc bãi bỏ yêu cầu nộp “Dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm”: Sửa đổi khoản 3 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục bổ sung hoạt động hòa giải thương mại cho Trung tâm trọng tài (Mã TTHC: 1.008909)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với giảm thời gian thực hiện TTHC: Đã thực thi tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với việc bỏ dự thảo Quy tắc hòa giải của Trung tâm: Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 23 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại; sửa đổi khoản 5 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở Trung tâm hoà giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác (mã TTHC 1.008910)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Giấy phép thành lập Trung tâm hoà giải thương mại.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 10 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với giảm thời gian thực hiện TTHC: Đã thực thi tại khoản 7 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với bỏ Giấy phép thành lập Trung tâm hoà giải thương mại: Bãi bỏ điểm b khoản 1 Điều 26 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại; sửa đổi khoản 7 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp Giấy phép thành lập Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức hoà giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.008911)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài; (2) Danh sách hòa giải viên thương mại, nhân viên dự kiến làm việc tại chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại khoản 11 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với bỏ Bản giới thiệu về hoạt động của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài: Bãi bỏ điểm c khoản 1 Điều 36 Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/2/2017 của Chính phủ về hoà giải thương mại; sửa đổi khoản 11 Điều 2 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

IX. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất (Mã TTHC: 1.001117)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ chứng minh Giấy đăng ký hoạt động đã bị hư hỏng hoặc bị mất.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 15 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 157/2020/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

2. Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật, danh sách thành viên hợp danh của Văn phòng giám định tư pháp (Mã TTHC: 2.000555)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày xuống còn 03 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 157/2020/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 3: Thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001122)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ điều kiện “Có sức khỏe” trong điều kiện bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

- Bỏ Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp (trừ trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng) trong thành phần hồ sơ đề nghị bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ khoản 3 Điều 8; sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 9 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

4. Thủ tục hành chính 4: Thủ tục bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp (Mã TTHC: 2.000581)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp (trừ trường hợp người được đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp đang là công chức, viên chức, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an nhân dân, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng) trong thành phần hồ sơ bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống còn 15 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ khoản 3 Điều 8; sửa đổi khoản 2 Điều 9 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

5. Thủ tục hành chính 5: Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp cấp tỉnh (Mã TTHC: 2.000894)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

6. Thủ tục hành chính 6: Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp (Mã TTHC: 1.001162)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi khoản 4 Điều 10 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

7. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục cấp phép thành lập Văn phòng giám định tư pháp (Mã TTHC: 2.000890)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Quy chế tổ chức, hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp; (2) Nội dung về trang thiết bị, phương tiện giám định trong Đề án thành lập đối với các lĩnh vực giám định không cần sử dụng trang thiết bị, phương tiện máy móc giám định để đưa ra kết luận giám định.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi điểm d khoản 2 Điều 16; bãi bỏ điểm c khoản 2 Điều 16 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

8. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp (Mã TTHC: 2.000568)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp; (2) Nội dung về trang thiết bị, phương tiện giám định trong Đề án về việc thay đổi đối với các lĩnh vực giám định không cần sử dụng trang thiết bị, phương tiện máy móc giám định để đưa ra kết luận giám định.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 45 ngày xuống còn 30 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c, sửa đổi điểm b khoản 3 Điều 17 và sửa đổi khoản 2 Điều 17 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 157/2020/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

9. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục đăng ký hoạt động Văn phòng giám định tư pháp (Mã TTHC: 2.000823)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Bản sao Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 20 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm d khoản 2 Điều 17 và sửa đổi khoản 3 Điều 17 Luật Giám định tư pháp năm 2012 (được sửa đổi, bổ sung năm 2020).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

10. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp cấp tỉnh (Mã TTHC: 1.001216)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản sao quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp là thành viên hợp danh của Văn phòng; (2) Nội dung về trang thiết bị, phương tiện giám định trong Đề án chuyển đổi loại hình Văn phòng đối với các lĩnh vực giám định không cần sử dụng trang thiết bị, phương tiện máy móc giám định để đưa ra kết luận giám định.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 17 ngày xuống còn 12 ngày.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c, sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 19 và sửa đổi khoản 3, khoản 4 Điều 19 Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Giám định tư pháp (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 157/2020/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

X. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ LUẬT SƯ

1. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 1: Thủ tục cấp giấy phép thành lập Công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 2.000851).

- Thủ tục hành chính 2: Thủ tục cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 2.000854).

a) Nội dung đơn giản hóa

Bãi bỏ quy định: (1) Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài có mặt và hành nghề tại Việt Nam từ 183 ngày trở lên trong khoảng thời gian liên tục mười hai tháng; (2) Trưởng chi nhánh, Giám đốc công ty luật nước ngoài tại Việt Nam phải có ít nhất hai năm liên tục hành nghề luật sư; (3) Cam kết và bảo đảm tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ khoản 2, 3 Điều 68 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

2. Nhóm thủ tục:

- Thủ tục hành chính 3: Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề luật sư (Mã TTHC: 1.000828);

- Thủ tục hành chính 4: Thủ tục cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với người được miễn đào tạo nghề luật sư, miễn tập sự hành nghề luật sư (Mã TTHC: 1.000688);

- Thủ tục hành chính 5: Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư theo quy định tại Điều 18 của Luật Luật sư (Mã TTHC: 1.0008624);

- Thủ tục hành chính 6: Thủ tục cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp bị mất, bị rách, bị cháy hoặc vì lý do khác không cố ý (Mã TTHC: 1.008628).

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Lý lịch tư pháp; (2) Giấy chứng nhận sức khỏe.

- Chuẩn hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm khâu trung gian, thống nhất một cơ quan tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính là Sở Tư pháp.

- Cắt giảm thời gian giải quyết TTHC từ 20 ngày xuống còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với việc bỏ Phiếu lý lịch tư pháp, cắt giảm thời gian giải quyết TTHC và chuẩn hóa quy trình giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với việc bỏ Giấy chứng nhận sức khỏe: Sửa đổi điểm b khoản 1 mục I Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

3. Thủ tục hành chính 7: Thủ tục đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư (Mã TTHC: 1.002010)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ quy định hai năm hành nghề liên tục làm việc theo hợp đồng lao động cho tổ chức hành nghề luật sư hoặc hành nghề với tư cách cá nhân theo hợp đồng lao động cho cơ quan, tổ chức theo quy định của Luật Luật sư.

- Bỏ bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư, bản sao Thẻ luật sư của luật sư thành lập văn phòng luật sư, thành lập hoặc tham gia thành lập công ty luật.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm a khoản 3 Điều 32; bãi bỏ điểm b và c khoản 2 và sửa đổi khoản 3 Điều 35 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

4. Thủ tục hành chính 8: Thủ tục thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên (Mã TTHC: 1.002055)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Họ, tên, số và ngày cấp Thẻ luật sư của người dự kiến là đại diện theo pháp luật; (2) Giấy đăng ký hoạt động của văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b và d khoản 2 Điều 11 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

5. Thủ tục hành chính 9: Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư (Mã TTHC: 1.002099)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư của Trưởng chi nhánh.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm c và d khoản 3; sửa đổi khoản 2 Điều 41 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

6. Thủ tục hành chính 10: Thủ tục đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân (Mã TTHC: 1.002153)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao Thẻ luật sư.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm a khoản 1 và sửa đổi khoản 3 Điều 50 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

7. Thủ tục hành chính 11: Thủ tục chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật (Mã TTHC: 1.008709)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi; (2) Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với bỏ Giấy đăng ký hoạt động của công ty luật/văn phòng luật sư được chuyển đổi: Đã thực thi tại khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với bỏ Danh sách thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu; bản sao Thẻ luật sư của các luật sư thành viên hoặc luật sư chủ sở hữu của công ty luật chuyển đổi: Sửa đổi khoản 5 và khoản 6 Điều 4 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

8. Thủ tục hành chính 12: Thủ tục cấp Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 2.000885)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản sao Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài; (2) Giấy ủy quyền cho luật sư làm Trưởng chi nhánh; (3) Bản sao Giấy phép hành nghề của luật sư được ủy quyền làm Trưởng chi nhánh.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 15 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với nội dung bỏ bản sao Giấy phép thành lập công ty luật nước ngoài và bản sao Giấy phép hành nghề của luật sư được ủy quyền làm Trưởng chi nhánh; giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục II Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với nội dung bỏ Giấy ủy quyền cho luật sư làm Trưởng Chi nhánh: Sửa đổi khoản 5 Điều 81 Luật Luật sư năm 2006 (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

9. Thủ tục hành chính 13: Thủ tục chuyển đổi chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài thành công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.002637)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các chi nhánh được chuyển đổi; (2) Danh sách luật sư dự kiến làm việc tại công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 30 ngày xuống còn 25 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với nội dung cắt giảm danh sách luật sư dự kiến làm việc tại công ty luật trách nhiệm hữu hạn 100% vốn nước ngoài và cắt giảm thời gian giải quyết TTHC: Đã thực thi tại mục VII Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với nội dung cắt giảm Bản sao Giấy phép thành lập và Giấy đăng ký hoạt động của các chi nhánh được chuyển đổi: Sửa đổi Điều 34 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

10. Thủ tục hành chính 14: Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002181)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm a khoản 2 và sửa đổi khoản 3 Điều 79 Luật Luật sư năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2012).

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

11. Thủ tục hành chính 15: Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002198)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài; (2) Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung Giấy phép thành lập của Bộ Tư pháp.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 05 ngày làm việc xuống còn 03 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b, c khoản 2 và sửa đổi khoản 3 Điều 36 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

12. Thủ tục hành chính 16: Thủ tục đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002398)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ văn bản chấp thuận của Bộ Tư pháp.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi, bổ sung Điều 35 của Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

13. Thủ tục hành chính 17: Thủ tục đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam (Mã TTHC: 1.002384)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày làm việc xuống còn 05 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Bãi bỏ điểm b khoản 1 và sửa đổi khoản 2 Điều 37 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

14. Thủ tục hành chính 18: Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002368)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ bản sao Giấy phép thành lập chi nhánh, công ty luật nước ngoài.

- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 79 Luật Luật sư (được sửa đổi, bổ sung năm 2012).

- Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

15. Thủ tục hành chính 19: Thủ tục hợp nhất công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002544)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi:

Sửa đổi Điều 32 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

16. Thủ tục hành chính 20: Thủ tục sáp nhập công ty luật nước ngoài (Mã TTHC: 1.002563)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Giấy phép thành lập của công ty luật nhận sáp nhập.
- Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 10 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với nội dung bỏ Giấy phép thành lập của công ty luật nhận sáp nhập: Đã thực thi tại mục VI Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 08/2025/TT-BTP ngày 12/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp và phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.

- Đối với nội dung giảm thời gian giải quyết TTHC: Sửa đổi khoản 2 Điều 33 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

17. Thủ tục hành chính 21: Thủ tục chấm dứt hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài trong trường hợp tự chấm dứt hoạt động (Mã TTHC: 1.002943)

a) Nội dung đơn giản hóa: Giảm thời gian giải quyết TTHC từ 15 ngày xuống còn 07 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 39 Nghị định số 123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư.

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

XI. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ QUẢN TÀI VIÊN

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân (Mã TTHC: 1.002626)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bỏ Phiếu lý lịch tư pháp trong thành phần hồ sơ.

- Bãi bỏ điều kiện: (1) Có địa chỉ giao dịch; (2) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan; (3) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với nội dung bỏ Phiếu lý lịch tư pháp và bỏ điều kiện “có địa chỉ giao dịch”: Đã thực thi tại Điều 3 Nghị định số 112/2025/NĐ-CP ngày 29/5/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.

- Đối với nội dung bỏ điều kiện: (1) Có phẩm chất đạo đức tốt, có ý thức trách nhiệm, liêm khiết, trung thực, khách quan; (2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ: Sửa đổi Điều 12 Luật Phá sản năm 2014, Điều 9 Nghị định số 22/2015/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phá sản về Quản tài viên và hành nghề quản lý, thanh lý tài sản.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

XII. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH: HÀNH NGHỀ CÔNG CHỨNG

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục bổ nhiệm công chứng viên (Mã TTHC: 1.000112)

a) Nội dung đơn giản hóa

- Bãi bỏ các điều kiện: (1) Bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng; (2) Có thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; (3) Phẩm chất đạo đức tốt.

- Giảm thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật xuống còn 03 năm.

- Bỏ thành phần hồ sơ: (1) Phiếu Lý lịch tư pháp; (2) Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ, tiến sĩ luật; (3) Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với người được miễn đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Công chứng; (4) Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng.

- Giảm thời gian giải quyết các TTHC từ 30 ngày làm việc xuống còn 10 ngày làm việc.

b) Kiến nghị thực thi

- Đối với nội dung: (1) Bỏ điều kiện bảo đảm sức khỏe để hành nghề công chứng; (2) Giảm thời gian công tác pháp luật từ 05 năm trở lên tại các cơ quan, tổ chức sau khi đã có bằng cử nhân luật xuống còn 03 năm; (3) Bỏ Phiếu Lý lịch tư pháp; (4) Bỏ Bản sao bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ, tiến sĩ luật; (5) Bỏ Bản sao giấy chứng nhận tốt nghiệp khóa đào tạo nghề công chứng. Đối với

người được miễn đào tạo nghề công chứng thì phải có bản sao giấy chứng nhận hoàn thành khóa bồi dưỡng nghề công chứng và giấy tờ chứng minh là người được miễn đào tạo nghề công chứng quy định tại khoản 1 Điều 10 của Luật Công chứng; (6) Bỏ Bản sao giấy chứng nhận kết quả kiểm tra tập sự hành nghề công chứng: Đã thực thi tại Điều 10 Luật công chứng năm 2024.

- Đối với nội dung: (1) Có thời gian công tác pháp luật từ đủ 03 năm trở lên tại cơ quan, tổ chức sau khi có bằng cử nhân luật hoặc thạc sĩ luật hoặc tiến sĩ luật; (2) Phẩm chất đạo đức tốt: Sửa đổi khoản 2; bãi bỏ khoản 4 Điều 10 của Luật Công chứng năm 2024.

Lộ trình thực hiện: Theo Chương trình lập pháp của Quốc hội.

XIII. LĨNH VỰC TƯ VẤN PHÁP LUẬT

1. Thủ tục hành chính 1: Thủ tục đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật (Mã TTHC: 1.000627)

a) Nội dung đơn giản hóa: Bỏ Danh sách tư vấn viên pháp luật, luật sư trong thành phần hồ sơ.

b) Kiến nghị thực thi

Sửa đổi Điều 13 Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16/7/2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2012/NĐ-CP).

Lộ trình thực hiện: Năm 2025.

Phần II

ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐỂ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH TRONG PHẠM VI CẤP TỈNH

I. LĨNH VỰC HỘ TỊCH

1. Nhóm thủ tục 1 (18 TTHC): Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài (2.000528); Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 2.000806); Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 1.001766); Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 2.000779); Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 1.001669); Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 2.000756); Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Mã TTHC: 2.000748); Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Mã TTHC: 2.002189); Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Mã TTHC: 2.000554); Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch

khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch) (Mã TTHC: 2.000547); Thủ tục đăng ký khai sinh (Mã TTHC: 1.001193); Thủ tục đăng ký kết hôn (Mã TTHC: 1.000894); Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con (Mã TTHC: 1.001022); Thủ tục đăng ký khai tử (Mã TTHC: 1.000656); Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Mã TTHC: 1.004827); Thủ tục đăng ký giám hộ (Mã TTHC: 1.004837); Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ (Mã TTHC: 1.004845); Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch (Mã TTHC: 1.004859).

a) Nội dung đơn giản hóa

Cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi cư trú; nơi cư trú của cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật về cư trú. Trường hợp cá nhân lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người dân nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đến đúng cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký giám hộ, đăng ký thay đổi, chấm dứt giám hộ, đăng ký giám sát giám hộ, đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc không phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại các điều: Điều 13, Điều 17, Điều 19, Điều 20, Điều 24, Điều 27, Điều 32, Điều 35, Điều 37, Điều 39, Điều 43, Điều 45, Điều 48, Điều 51 Luật Hộ tịch năm 2014.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Nhóm thủ tục 2 (09 TTHC) : Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 2.000513); Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài (Mã TTHC: 2.000497); Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Mã TTHC: 1.000110); Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Mã TTHC: 1.000094); Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới (Mã TTHC: 1.000080); Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Mã TTHC: 1.004873); Thủ tục đăng ký lại khai sinh (Mã TTHC: 1.004884); Thủ tục đăng ký lại kết hôn (Mã TTHC: 1.004746); Thủ tục đăng ký lại khai tử (Mã TTHC: 1.005461)

a) Nội dung đơn giản hóa

Cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch tại cơ

quan đăng ký hộ tịch nơi cư trú; nơi cư trú của cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật về cư trú. Trường hợp cá nhân lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người dân nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đến đúng cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Người yêu cầu đăng ký khai sinh, đăng ký khai tử, đăng ký nhận cha, mẹ, con, đăng ký giám hộ, đăng ký thay đổi, chấm dứt giám hộ, đăng ký giám sát giám hộ, đăng ký thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch, xác định lại dân tộc không phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch để ký vào Sổ hộ tịch.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại các điều: Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 21, Điều 25, Điều 41 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ hướng dẫn Luật Hộ tịch.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026 - 2027.

3. Nhóm thủ tục 3 (02 TTHC): Đăng ký giám sát việc giám hộ (Mã TTHC: 3.000323); Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ (Mã TTHC: 3.000322).

a) Nội dung đơn giản hóa

Cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch tại cơ quan đăng ký hộ tịch nơi cư trú; nơi cư trú của cá nhân được xác định theo quy định của pháp luật về cư trú. Trường hợp cá nhân lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính về hộ tịch không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thường trú hoặc nơi tạm trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người dân nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch trực tuyến đến đúng cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 51 Bộ luật Dân sự năm 2015 (đối với TTHC đăng ký giám sát việc giám hộ); Điều 2 Nghị định số 07/2025/NĐ-CP ngày 09/01/2025 của Chính phủ sửa đổi Nghị định trong lĩnh vực hộ tịch, quốc tịch, chứng thực.

- Lộ trình thực hiện: Theo chương trình lập pháp của Quốc hội.

4. Nhóm thủ tục 4 (02 TTHC): Cấp bản sao Trích lục hộ tịch (Mã TTHC: 2.000635); Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch (Mã TTHC: 2.002516).

a) Nội dung đơn giản hóa:

Sửa đổi thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính để tổ chức thực hiện không phụ thuộc địa giới hành chính.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi quy định tại Điều 8, Điều 13 Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 38/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

II. LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI

1. Nhóm thủ tục (04 TTHC): Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước (Mã TTHC: 2.001263); Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước (Mã TTHC: 2.001255); Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (Mã TTHC: 2.002349); Thủ tục Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi (Mã TTHC: 2.002349).

a) Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi về trình tự, thủ tục tiếp nhận hồ sơ đảm bảo cho đối tượng thực hiện thủ tục hành chính được lựa chọn nộp hồ sơ tại bất kỳ Ủy ban nhân dân cấp xã nào trong địa bàn tỉnh.

Trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 1 Điều 9 Luật Nuôi con nuôi năm 2010; khoản 1 Điều 2, Điều 22, Điều 29 Nghị định số 19/2011/NĐ-CP ngày 21/3/2011 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Nuôi con nuôi.

- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

2. Thủ tục: Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (Mã TTHC: 2.002363)

a) Nội dung đơn giản hóa

Sửa đổi theo hướng trường hợp người nhận con nuôi lựa chọn nộp hồ sơ không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi họ và con nuôi thường trú hoặc có thẩm quyền đăng ký việc nuôi con nuôi trước đây, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người nhận con nuôi nộp hồ sơ đăng ký nuôi con nuôi trực tuyến đến đúng Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền theo quy định.

b) Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 48 Luật Hộ tịch năm 2014.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

III. LĨNH VỰC CHỨNG THỰC

Nhóm thủ tục (04 TTHC): Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Mã TTHC: 2.001035); Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Mã TTHC: 2.001009); Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở (Mã TTHC: 2.001406); Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản (Mã TTHC: 2.001016).

1. Nội dung đơn giản hóa

Việc chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là quyền sử dụng đất, nhà ở của người dân có thể được thực hiện tại cơ quan có thẩm quyền chứng thực bất kỳ không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi khoản 6 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.
- Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện kết nối với cơ sở dữ liệu về đất đai, nhà ở và các cơ sở dữ liệu khác có liên quan.
- Lộ trình thực hiện: Năm 2026.

IV. LĨNH VỰC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

Nhóm thủ tục (05 TTHC): Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên (Mã TTHC: 2.002080); Thủ tục công nhận hòa giải viên (Mã TTHC: 1.002211); Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (Mã TTHC: 2.000950); Thủ tục thôi làm hòa giải viên (Mã TTHC: 2.000930); Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải (Mã TTHC: 2.000424).

1. Nội dung đơn giản hóa

Cá nhân có quyền lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hòa giải viên cư trú. Trường hợp cá nhân lựa chọn thực hiện thủ tục hành chính không phải tại Ủy ban nhân dân cấp xã nơi hòa giải viên thường trú thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tiếp nhận yêu cầu có trách nhiệm hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến đến đúng cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định.

2. Kiến nghị thực thi

- Sửa đổi Điều 6, Điều 8, Điều 14, Điều 11 Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Điều 12, Điều 13, Điều 14 Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT-CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở; Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ hướng dẫn Luật Hòa giải ở cơ sở.

- Lộ trình thực hiện: Theo chương trình lập pháp của Quốc hội.